TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2025

Về việc tranh chấp: *"Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi – Ông Nguyễn Văn Cơ

- *Thư ký phiên toà:* Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2024/TLST-DS MERGEFIELD Ngày_thụ_lý ngày 09 tháng 10 năm 202 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Thu S, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quang H , sinh nămn 1982; địa chỉ: D N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; Địa chỉ liên hệ: Phòng C quận L. Địa chỉ: C Hồ T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Thu S và ông Phạm Quang Hòa kết H1 vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại D N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến xô xát và có chính quyền địa phương đến để hoà giải, can thiệp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống. Bà S đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Hoàng Thị Thu S khai nhận có 02 con chung là Phạm Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2007 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/02/2010. Vì ông H không có trách nhiệm với gia đình, con cái từ trước đến nay do bà S trực tiếp chăm sóc nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà Hoàng Thị Thu S có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Phạm Quang H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị Thu S thay đổi ý kiến yêu cầu giao con chung Phạm Hoàng Q cho ông H nuôi dưỡng, bà S nuôi con chung Phạm Hoàng M, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Bà Hoàng Thị Thu S xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn - ông Phạm Quang H trình bày ý kiến:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Quang H và bà Hoàng Thị Thu S kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại D N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông H thừa nhận do bản thân ông không kiềm chế được nên đã sử dụng ma tuý và phải đi cai nghiện. Ông H ý thức được hành vi của ông là sai, hiện nay các con còn nhỏ các cháu trong độ tuổi đi học, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các cháu. Vì vậy ông H mong muốn được đoàn tụ gia đình với bà S và không đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Ông H xác nhận ông H và S 02 con chung là Phạm Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2007 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/02/2010. Ông H mong muốn vợ chồng đoàn tụ và cùng chăm sóc cho các con. Tại phiên tòa ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Ông H xác định vợ chồng có tài sản chung. Tuy nhiên về mặt pháp lý hiện nay ông H chưa chứng minh được nên ông H chưa có yêu cầu cụ thể về vấn đề tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Hoàng Thị Thu S được ly hôn với ông Phạm Quang H; giao 01 con chung Phạm Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2007 cho ông Phạm Quang H trực tiếp nuôi dưỡng và 01 con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/02/2010 cho bà Hoàng Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung bà Hoàng Thị Thu S khai nhận không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu S với bị đơn ông Phạm Quang H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu S đối với ông Phạm Quang H thì thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Thu S và ông Phạm Quang H đăng ký kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 85 ngày 14/6/2007, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Hoàng Thị Thu S cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát nên bà Hoàng Thị Thu S yêu cầu được ly hôn ông Phạm Quang H. Về phía bị đơn ông H thừa nhận do bản thân ông H có mâu thuẫn. Ông H ý thức được trước đây hành vi của ông là sai, hiện nay các con còn nhỏ các cháu trong độ tuổi đi học, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các cháu. Vì vậy ông H mong muốn được đoàn tụ gia đình với bà S và không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Phạm Quang H và bà Hoàng Thị Thu S sống chung xác nhận vợ chồng bà S và ông H ông H và bà S đã sống ly thân. Tại phiên tòa H xin đoàn tụ nhưng không có giải pháp để khắc phục những mẫu thuẫn, đồng thời bà S vẫn cương quyết ly hôn ông H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải xuất phát tình cảm từ hai phía, giữa ông H và bà S đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Thị Thu S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà Hoàng Thị Thu S xác nhận bà và ông Phạm Quang H có 02 con chung là Phạm Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2007 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/02/2010. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị Thu S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng M. Về phía ông H cũng yêu cầu được nuôi cả hai con chung, bà S, ông H không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn việc giao con chung cho cha hay mẹ nuôi, mục đích để các cháu phát triển bình thường về tinh thần cũng như thể chất. Nguyện vọng nuôi con chung của bà S, ông H đều chính đáng. Tại phiên tòa ông H bà S đều xác nhận hiện tại cháu lớn Phạm Hoàng Q ở với bố ông Phạm Quang H, cháu nhỏ

Phạm Hoàng M đang ở với mẹ bà Hoàng Thị Thu S. Xét để cho các cháu ổn định về chỗ ở, đồng thời ông H và bà S cũng trình bày cả hai đều có điều tài chính để nuôi con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Thu S về việc nuôi con, giao Phạm Hoàng Q cho ông Phạm Quang H và giao con Phạm Hoàng M cho bà Hoàng Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị Thu S khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; xác định vợ chồng không có nợ chung nhưng bà S đã trả và bà S không có yêu cầu gì đến khoản nợ này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với ông Phạm Quang H ông cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng hiện tại ông H chưa chứng minh được giấy tờ pháp lý của khối tài sản này và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này ông Phạm Quang H có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận C, ngày 22/11/2024 có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Phạm Quang H, bà Hoàng Thị Thu S có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi 72.500.000 đồng. Ngày 24/02/2025 ngân hàng đã có đơn rút yêu cầu độc lập với lý do bà Hoàng Thị Thu S đã trả toàn bộ số nợ trên. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận C.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Hoàng Thị Thu S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"* của bà Hoàng Thị Thu S đối với ông Phạm Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị Thu S được ly hôn ông Phạm Quang H.

2. Về quan hệ con chung**:** Giao con chung Phạm Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2007 cho ông Phạm Quang H trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 19/02/2010 cho bà Hoàng Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C - Chi nhánh ngân hàng C quận L.

II. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Hoàng Thị Thu S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008911 ngày 09.10.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Hoàng Thị Thu S đã nộp

đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;*
- *UBND phường Hoà Khánh Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng